

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-10-2021

“V/v ly hôn”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Nguyễn Phương Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Bích Tuyền

2. Ông Võ Thanh Hải

**- Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** bà Ngô Thị Bé K, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Long An

**2. Bị đơn:** ông Nguyễn Chí L, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Long An

(Bà K có mặt tại phiên tòa. Ông L có đơn xin giải quyết vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - bà Ngô Thị Bé K trình bày:

Bà và ông Nguyễn Chí L chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 18/12/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất hòa trong cuộc sống. Nguyên nhân là do ông L thường xuyên uống rượu, về nhà chửi mắng, xúc phạm và đánh đập bà, có lần còn dọa chặt đầu bà. Bà có đề nghị gia đình cũng như chính quyền địa phương hòa giải, can thiệp nhưng ông L vẫn không sửa đổi tính tình. Nay bà xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà và ông L có 02 con chung tên:

Nguyễn Thị Thảo Uyên, sinh ngày 27/11/2005

Nguyễn Khánh Văn, sinh ngày 31/8/2007

Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Chí L vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Sau khi được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy báo phiên tòa, ông L đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tuy nhiên, ông L cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà K.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày như đã nêu trên, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn: chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn: không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bé K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn Ngô Thị Bé K với bị đơn Nguyễn Chí L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Chí L vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà K và ông L chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà K thì trong quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ông L thường xuyên uống rượu, về nhà chửi mắng, xúc phạm và đánh đập bà K. Bà có đề nghị gia đình cũng như chính quyền địa phương hòa giải, can thiệp nhưng ông L vẫn không sửa đổi tính tình. Do có nhiều mâu thuẫn, bất hòa nên bà K và ông L đã ly thân nhiều lần, lần ly thân gần nhất là từ ngày 14/6/2021 (âm lịch) cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà K và ông L không có thiện chí và giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho ông L theo quy định của pháp luật, nhưng ông L không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Ông L cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Theo biên bản xác minh đại diện chính quyền ấp A, xã B và Công an xã B xác nhận ông L thường xuyên uống rượu, về nhà chửi mắng vợ con, đập phá đồ dùng vật dụng trong gia đình và gây mất trật tự tại địa phương. Bà K có báo chính quyền địa phương và Công an xã B giải quyết. Ông L có viết bản cam

kết hứa sẽ khắc phục khuyết điểm nhưng vẫn không sửa đổi tính tình. Tại phiên tòa, bà K không đồng ý đoàn tụ gia đình mà kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà K và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, bà K được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà K và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thảo Uyên, sinh ngày 27/11/2005 và Nguyễn Khánh Văn, sinh ngày 31/8/2007. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy theo bản tự khai của hai con chung là Nguyễn Thị Thảo Uyên và Nguyễn Khánh Văn thì hai con chung có nguyện vọng sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Ông L không cung cấp ý kiến tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho bà K được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà K không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà K nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L không có ý kiến tranh chấp về tài sản chung, nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông L không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bé K.

Bà Ngô Thị Bé K được ly hôn với ông Nguyễn Chí L.

Về con chung: bà Ngô Thị Bé K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên: Nguyễn Thị Thảo Uyên, sinh ngày 27/11/2005 và Nguyễn Khánh Văn, sinh ngày 31/8/2007.

Ông Nguyễn Chí L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Ngô Thị Bé K có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai thu số 0004794 ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang án phí, bà K không phải nộp thêm. Ông Nguyễn Chí L không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn; Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đặng Nguyễn Phương Chi***

